

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 10 năm 2017.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
- Ông Võ Anh Linh	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên
- Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị An Ly	Thành viên
- Ông Nguyễn Công Khởi	Thành viên- bổ nhiệm ngày 24/04/2018 (*)

Ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Văn Phong	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên
- Ông Phạm Vĩnh Phú	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Công Khởi	Tổng Giám đốc
- Bà Trần Thị Len	Kế toán trưởng

(*) Bổ nhiệm Ông Nguyễn Công Khởi làm thành viên Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 15/NQ-ĐHCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2018.

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Khởi

Số: 14 /2018/BCSX-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện được lập ngày 31 tháng 8 năm 2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Chúng tôi đã làm các thủ tục soát xét số dư đầu kỳ. Tuy nhiên, với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể kiểm tra được tính đúng đắn về các số liệu này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (tiếp theo)

Tại thời điểm ngày 30/06/2018 tổng các khoản công nợ phải thu đã được đối chiếu là 11.735.243.223 đồng, chiếm 14% tổng số công nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác. Công nợ phải trả của Công ty chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ. Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận, tuy nhiên tại ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi không nhận được đầy đủ thư xác nhận cho các khoản công nợ trên. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể kiểm tra được tính đúng đắn về các số liệu này bằng các thủ tục soát xét khác. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về tính hiện hữu và giá trị của khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng hàng tồn kho. Theo ước tính của chúng tôi, dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập bổ sung là 14.409.720.478 đồng và dự phòng hàng tồn kho cần trích lập là 7.858.519.748 đồng.

Công ty chưa xử lý các tài sản thiếu tại Xí nghiệp 7 và Chi nhánh Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 1.687.007.566 đồng.

Công ty con là Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông có dấu hiệu dừng hoạt động từ giữa năm 2017. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở là Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông tại ngày 31/12/2017, với tổng giá trị tài sản ngắn hạn là 8.214.666.472 đồng, tổng giá trị tài sản dài hạn là 6.997.349.733 đồng, tổng công nợ phải trả là 1.689.881.624 đồng và vốn chủ sở hữu là 13.522.134.581 đồng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục có liên quan từ việc sử dụng Báo cáo tài chính của công ty trên tại ngày 31/12/2017 trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2018 của Công ty.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 29/8/2017.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		322.564.529.043	420.911.721.583
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.045.523.121	29.445.872.122
Tiền	111		2.045.523.121	24.445.872.122
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.10	195.266.409.604	192.148.381.388
Chứng khoán kinh doanh	121		192.827.409.604	192.827.409.604
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.061.000.000)	(919.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.500.000.000	239.971.784
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.930.876.965	154.448.058.129
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	38.010.400.375	116.776.116.653
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.254.581.743	10.051.412.273
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	55.900.197.500	22.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	36.325.077.193	43.662.194.603
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(39.246.387.412)	(40.228.672.966)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.687.007.566	1.687.007.566
Hàng tồn kho	140	5.7	20.584.111.314	41.925.385.286
Hàng tồn kho	141		25.093.082.598	46.515.862.570
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.508.971.284)	(4.590.477.284)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.737.608.039	2.944.024.658
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		49.807.329	336.848.147
Thuế GTGT được khấu trừ	152		643.214.450	556.767.677
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	2.044.586.260	2.050.408.834
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.305.074.644	172.197.899.920
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.056.815.000	43.157.012.500
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	10.000.000.000	43.100.197.500
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	56.815.000	56.815.000
Tài sản cố định	220		3.001.497.832	8.285.164.085
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.001.497.832	2.933.356.085
- Nguyên giá	222		13.375.713.859	18.492.204.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.374.216.027)	(15.558.848.001)
Tài sản cố định vô hình	227		-	5.351.808.000
- Nguyên giá	228		378.200.000	5.730.008.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(378.200.000)	(378.200.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	46.429.519.498	46.429.519.498
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		33.805.321.803	33.805.321.803
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.624.197.695	12.624.197.695
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	113.523.740.707	73.711.941.791
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		113.273.740.707	22.393.684.994
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.180.000.000	56.248.256.797
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.930.000.000)	(4.930.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		293.501.607	614.262.046
Chi phí trả trước dài hạn	261		293.501.607	520.837.857
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	93.424.189
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		495.869.603.687	593.109.621.503

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		280.307.444.418	359.297.581.077
Nợ ngắn hạn	310		74.727.790.233	157.961.952.591
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	13.418.354.780	47.246.355.364
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	3.717.623.993	7.496.891.911
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.486.690.588	8.707.482.760
Phải trả người lao động	314		875.639.079	5.556.219.567
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	3.160.511.522	8.373.110.843
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	15.133.695.195	35.322.586.975
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	32.826.712.839	44.962.968.162
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108.562.237	296.337.009
Nợ dài hạn	330		205.579.654.185	201.335.628.486
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.044.721.562	1.226.061.818
Phải trả dài hạn khác	337	5.16	545.000.000	642.900.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	199.600.000.002	199.466.666.668
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3.389.932.621	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.562.159.269	233.812.040.426
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	215.562.159.269	233.812.040.426
Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.999.990.000	179.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.999.990.000	179.999.990.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		35.684.263.731	35.684.263.731
Cổ phiếu quỹ	415		(10.792.686.881)	(10.792.686.881)
Quỹ đầu tư phát triển	418		27.646.195.601	27.749.199.570
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(21.246.464.240)	(14.131.006.614)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(13.926.311.174)	(19.184.357.266)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.320.153.066)	5.053.350.652
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.270.861.058	15.302.280.620
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		495.869.603.687	593.109.621.503

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Đặng Thị Đoàn Trang

Trần Thị Len

Nguyễn Công Khời

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12.093.005.588	30.862.755.406
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	63.025.520
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	12.093.005.588	30.799.729.886
Giá vốn hàng bán	11	6.2	12.443.041.315	28.720.319.799
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(350.035.727)	2.079.410.087
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.839.299.883	28.398.256.683
Chi phí tài chính	22	6.4	12.717.278.686	(2.747.680.560)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.273.773.228	17.114.875.071
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		7.441.259.036	3.393.262.166
Chi phí bán hàng	25	6.5	623.211.692	1.973.983.335
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.194.520.438	23.565.700.619
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.604.487.624)	11.078.925.542
Thu nhập khác	31	6.7	547.918.781	2.074.657.780
Chi phí khác	32	6.8	2.036.627.331	1.151.323.867
Lợi nhuận khác	40		(1.488.708.550)	923.333.913
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.093.196.174)	12.002.259.455
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	3.296.508.432	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.389.704.606)	12.002.259.455
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(7.320.153.066)	15.754.947.874
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.069.551.540)	(3.752.688.419)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	(452)	875
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	(452)	875

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Đoàn Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Len

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Khởi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(5.093.196.174)	12.002.259.455
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	225.851.913	1.408.305.811
Các khoản dự phòng	03	666.353.525	(4.863.419.621)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.486.013.464)	(10.755.808.168)
Chi phí lãi vay	06	12.273.773.228	17.114.875.071
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.413.230.972)	14.906.212.548
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	17.319.088.626	22.155.936.557
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.427.854.713	(7.930.705.782)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(14.708.178.399)	(55.856.194.435)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	216.825.945	1.069.372.277
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(60.088.691.713)
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.385.707.580)	(15.899.379.450)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.006.116)	(443.857.547)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.587.353.783)	(102.087.307.545)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(61.000.500)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	205.454.545	1.797.100.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(3.800.000.000)	(198.452.609)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(35.953.769.880)	(73.640.217.410)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	3.583.230.000	10.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	207.428.027	9.126.664.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35.757.657.308)	(32.975.906.294)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	39.135.803.461	439.070.673.738
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.146.141.371)	(338.766.562.938)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.944.662.090	100.304.110.800
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(24.400.349.001)	(34.759.103.039)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	29.445.872.122	50.851.092.689
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5.045.523.121	16.091.989.650

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Đoàn Trang

Trần Thị Len

Nguyễn Công Khởi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2004 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 10 năm 2017.

Công ty có tên giao dịch: Post and Telecommunications Investment and Construction Joint Stock Company (PTIC.,JSC). Công ty đã thực hiện niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán PTC.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2018 là 26 người (tại ngày 31/12/2017 là 34 người).

Trong kỳ, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại công ty con- Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2. Tại ngày 30/06/2018, cấu trúc của doanh nghiệp như sau:

Công ty mẹ	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 3	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 5	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 7	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tòa nhà Kim Tâm Hải, số 27 đường Trường Chinh, phường Tân Thời Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

Công ty con

Công ty Cổ phần PTIC-PTZ
công nghệ Viễn Thông

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây
dựng Bưu điện 1

Địa chỉ

Lô 17H2 khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận
Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Cấp Quang
Việt Nam VINA - OFC

Công ty Cổ phần Thủy điện
Nậm Mu

Địa chỉ

Số 1 ngõ Núi Trúc, đường Giang Văn Minh, quận Ba
Đình, thành phố Hà Nội

Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của niên độ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất tách biệt khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tại ngày 30/06/2018, Công ty có 02 (hai) công ty con. Chi tiết về các Công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- 1 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1
Địa chỉ : Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Hoạt động chính : Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2018 : 1.600.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 68,09%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 68,09%

- 2 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần PTIC - ZTE Công nghệ Viễn thông
Địa chỉ : Lô 17H2 khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Hoạt động chính : Sản xuất, kinh doanh thiết bị công nghệ, viễn thông.
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2018 : 21.702.512.373 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 72,97%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 72,97%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 cho mục đích công bố thông tin.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 08 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư tài chính.

Dự phòng đầu tư tài chính của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm). Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí mua bảo hiểm...

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10 Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua/bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này:

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Áp dụng theo quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.18 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt	121.054.994	603.128.333
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.924.468.127	16.169.643.790
Tiền đang chuyển	-	7.673.099.999
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.045.523.121	29.445.872.122

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, lãi suất 4,1% đến 4,5%/năm, tự động gia hạn khi hết hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.2. Phải thu khách hàng

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Tập đoàn viễn thông Quân đội	3.065.958.491	3.065.958.491
Viễn thông tỉnh Nam Định	2.474.179.384	6.441.713.184
Phải thu các khách hàng khác	32.470.262.500	107.268.444.978
Cộng	38.010.400.375	116.776.116.653

5.3. Trả trước cho người bán

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cp Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	1.646.295.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	1.238.690.800
Công ty TNHH TM DV XD Hà Bảo Châu	507.301.367	507.301.367
Các khách hàng khác	2.862.294.576	6.659.125.106
Cộng	6.254.581.743	10.051.412.273

5.4. Phải thu về cho vay

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Trần Quang Ninh (*)	22.400.000.000	22.100.000.000
Tạ Anh Tú	400.000.000	400.000.000
Dài hạn chuyển sang Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (**)	33.100.197.500	-
	-	-
Cộng	55.900.197.500	22.500.000.000
b) Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (**)	10.000.000.000	43.100.197.500
Cộng	10.000.000.000	43.100.197.500

(*) Khoản cho ông Trần Quang Ninh vay theo các hợp đồng số 2308/HĐVV-PTIC-SDY, 1409/HĐVV-PTIC-SDY, 2109/HĐVV-PTIC-SDY, 2509/HĐVV-PTIC-SDY và 2712/HĐVV-PTIC-SDY với thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay với lãi suất 12%/năm. Mục đích của khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

(**) Khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly vay theo các hợp đồng cho vay vốn với thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt với lãi suất 11%/năm. Mục đích của khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất xi măng và các phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly. Số ngắn hạn được phân loại lại theo các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập Báo cáo tài chính. Chi tiết như sau:

- Hợp đồng vay vốn số 1603/HĐVV -PTIC - SDY ngày 16 tháng 03 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 1603/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa là 9.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 2404/HĐVV -PTIC - SDY ngày 24 tháng 04 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 2404/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa là 6.500.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 05 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 24.300.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 1107/HĐVV-PTIC SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 1107/HĐVV -PTIC - SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 5.880.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 1412/HĐVV-PTIC SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 3.000.000.000 đồng.

5.5. Phải thu khác

	30/06/2018 (VND)	Dự phòng (VND)	01/01/2018 (VND)	Dự phòng (VND)
a. Ngắn hạn				
Tạm ứng	26.617.972.735	16.093.061.275	34.905.182.963	16.093.061.275
Ký quỹ, ký cược	246.878.000	-	990.969.105	-
Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly (*)	5.396.868.281	-	3.013.187.914	-
Ông Trần Quang Ninh (*)	2.540.133.333	-	830.900.000	-
Phải thu khác	1.523.224.844	-	3.921.954.621	-
Cộng	36.325.077.193	16.093.061.275	43.662.194.603	16.093.061.275
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan (Xem thuyết minh 7.2)</i>	<i>447.125.200</i>		<i>447.125.200</i>	
b. Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	56.815.000	-	56.815.000	-
Cộng	56.815.000	-	56.815.000	-

(*) Là các khoản tiền lãi cho vay nhưng chưa đến hạn thu, sẽ thanh toán khi đến hạn trả gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.6. Nợ xấu

	30/06/2018		01/01/2018			
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi	1.646.295.000	-	1.646.295.000	1.646.295.000	-	1.646.295.000
Phủ Thọ	1.238.690.800	-	1.238.690.800	1.238.690.800	-	1.238.690.800
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	2.377.134.286	-	2.377.134.286	2.377.134.286	-	2.377.134.286
Phạm Tùng Việt	1.642.295.608	-	1.642.295.608	1.642.295.608	-	1.642.295.608
Nguyễn Ngọc Anh	2.553.350.025	-	2.553.350.025	2.553.350.025	-	2.553.350.025
Nguyễn Thành Nam	1.861.652.035	-	1.861.652.035	1.861.652.035	-	1.861.652.035
Trần Thị Tâm	41.323.906.590	13.396.936.932	27.926.969.658	29.297.854.381	388.599.169	28.909.255.212
Các đối tượng khác	52.643.324.344	13.396.936.932	39.246.387.412	40.617.272.135	388.599.169	40.228.672.966
Cộng						

5.7. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	20.077.211	-	12.513.023.308	-
Công cụ, dụng cụ	16.903.363	-	19.166.999	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.744.448.788	-	25.034.214.612	-
Thành phẩm nhập kho	391.337.917	-	391.337.917	-
Hàng hoá (*)	4.889.083.734	(4.508.971.284)	8.534.283.149	(4.590.477.284)
Hàng gửi bán	31.231.585	-	23.836.585	-
Cộng	25.093.082.598	(4.508.971.284)	46.515.862.570	(4.590.477.284)

(*) Hàng hóa tại Công ty con là Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA – OFC.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị quản lý (VND)	Cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	2.408.726.995	8.735.429.908	5.882.390.298	1.465.656.885	18.492.204.086
Mua trong kỳ	2.101.272.727	75.650.000	-	-	2.176.922.727
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.130.981.819)	-	(1.130.981.819)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(2.354.914.624)	(2.057.972.530)	(1.749.543.981)	-	(6.162.431.135)
Số dư tại ngày 30/06/2018	2.155.085.098	6.753.107.378	3.001.864.498	1.465.656.885	13.375.713.859
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	1.438.351.607	7.699.606.925	4.955.232.584	1.465.656.885	15.558.848.001
Khấu hao trong kỳ	-	127.704.546	98.147.367	-	225.851.913
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.130.981.819)	-	(1.130.981.819)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(1.384.539.236)	(1.625.837.984)	(1.269.124.848)	-	(4.279.502.068)
Số dư tại ngày 30/06/2018	53.812.371	6.201.473.487	2.653.273.284	1.465.656.885	10.374.216.027
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	970.375.388	1.035.822.983	927.157.714	-	2.933.356.085
Tại ngày 30/06/2018	2.101.272.727	551.633.891	348.591.214	-	3.001.497.832

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 7.489.353.859 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 7.776.530.571 đồng). Không có tài sản cố định cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30/06/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.9. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án tiểu khu đô thị Viễn thông & Công nghệ thông tin Nghệ An (*)	33.752.884.925	33.752.884.925	33.752.884.925	33.752.884.925
Dự án tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	52.436.878	52.436.878	52.436.878	52.436.878
Cộng	33.805.321.803	33.805.321.803	33.805.321.803	33.805.321.803
			30/06/2018	01/01/2018
			(VND)	(VND)
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Xây dựng cơ bản dở dang tại PTIC-ZTE			6.997.349.733	6.997.349.733
Đầu tư mua sắm tài sản cố định			589.446.250	589.446.250
- Mua đất tại thành phố Hồ Chí Minh			589.446.250	589.446.250
Xây dựng cơ bản dở dang			5.037.401.712	5.037.401.712
- Dự án đất C30 TP Hồ Chí Minh (**)			5.037.401.712	5.037.401.712
Cộng			12.624.197.695	12.624.197.695

(*) Công ty đầu tư vào dự án Tổ hợp Đô thị viễn thông và Công nghệ thông tin tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo các quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An từ năm 2008 đến năm 2012. Hiện tại, Công ty đang tìm đối tác để tiếp tục triển khai dự án này hoặc thanh lý thu hồi vốn đầu tư.

(**) Theo Quyết định số 246/QĐ-ĐTPT-HĐQT ngày 19 tháng 09 năm 2003 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu C30 tại số 270 đường Lý Thường Kiệt, quận 10 và quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện dự án đang tạm dừng triển khai. Công ty đang làm các thủ tục với bên liên quan để thu hồi vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.10. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2018		
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự p (
a) Chứng khoán kinh doanh			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông	1.175.000.000	114.000.000	1.061.000
và In Bưu Điện			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	191.652.409.604	338.223.648.000	
Cộng	192.827.409.604	338.337.648.000	1.061.000

Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện lấy theo số lượng cổ p
5.700 đồng/ cổ phiếu.

Giá trị hợp lý Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam lấy theo số lượng cổ phần nh
đồng/ cổ phiếu.

	30/06/2018	
	Giá gốc (VND)	Giá trị (
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.500.000.000	3.500.000
Cộng	3.500.000.000	3.500.000

(*) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2018		01/01/2018		Tổng			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc (VND)	Lãi lỗ liên doanh liên kết (VND)	Tổng (VND)		Giá gốc (VND)	Lãi lỗ liên doanh liên kết (VND)	
Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA - OFC	2.227.500	14.210.875.000	8.578.740.184	22.789.615.184	2.227.500	14.210.875.000	8.182.809.994	22.393.684.994
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	5.118.900	85.825.516.677	4.658.608.846	90.484.125.523	-	-	-	-
Cộng		100.036.391.677	13.237.349.030	113.273.740.707		14.210.875.000	8.182.809.994	22.393.684.994

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2018 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA- OFC	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất, kinh doanh sợi cáp quang, thiết bị, vật tư công nghệ, viễn thông.
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Hà Giang	24,38%	24,38%	Sản xuất và kinh doanh thủy điện

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

b) Đầu tư vào đơn vị khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Số lượng cổ phần	Giá gốc (VND)	Số lượng cổ phần	Giá gốc (VND)
Công ty Cổ phần Công nghệ Cáp quang và Thiết bị Bưu điện (**)	493.000	4.930.000.000 (*)	493.000	4.930.000.000 (*)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn Thông	25.000	250.000.000 (*)	25.000	250.000.000 (*)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	-	-	3.409.600	51.068.256.797
Cộng		5.180.000.000		56.248.256.797
		- 4.930.000.000		76.375.040.000
				4.930.000.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Công nghệ Cáp quang và Thiết bị Bưu điện và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn Thông để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì các Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(**) Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện đang làm vào tình trạng phá sản nên theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC trích lập 100% giá trị khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.12. Phải trả người bán

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	1.507.754.920	1.507.754.920	5.469.498.111	5.469.498.111
Công ty CP Đầu tư TM và XD Hồng Hà	1.290.916.200	1.290.916.200	4.301.145.200	4.301.145.200
Công ty CP Ptic-ZTE Công nghệ Viễn thông	604.387.833	604.387.833	604.387.833	604.387.833
Công ty CP Đầu tư và sản xuất Việt Hàn	488.518.064	488.518.064	488.518.064	488.518.064
Các khách hàng khác	9.526.777.763	9.526.777.763	36.382.806.156	36.382.806.156
Cộng	13.418.354.780	13.418.354.780	47.246.355.364	47.246.355.364

5.13. Người mua trả tiền trước

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Ban Quản lý dự án TP Biên Hòa	509.000.000	509.000.000	509.000.000	509.000.000
Ban Quản lý dự án nâng cấp đô thị TP Cần Thơ	246.104.539	246.104.539	246.104.539	246.104.539
Công ty TNHH một thành viên - Công ty TV QLDA khí	956.404.007	956.404.007	956.404.007	956.404.007
Các khách hàng khác	2.006.115.447	2.006.115.447	5.785.383.365	5.785.383.365
Cộng	3.717.623.993	3.717.623.993	7.496.891.911	7.496.891.911

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.14. Thuế và các khoản phải thu, nợ Nhà nước

	30/06/2018 (VND)	Giảm khác (*) (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã thực nộp trong kỳ (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					
Thuế giá trị gia tăng	2.044.586.260	5.822.574	-	-	2.050.408.834
b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					
Thuế giá trị gia tăng	161.150.212	2.335.978.939	428.892.739	799.885.065	2.868.121.477
Thuế nhập khẩu, xuất khẩu	422.521.846	-	-	-	422.521.846
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	3.614.570.880	422.693.015	-	44.006.116	4.081.270.011
Thuế thu nhập cá nhân	159.369.705	-	51.857.981	88.405.601	195.917.325
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.845.044	-	-	1.845.044
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.129.077.945	-	97.719.884	106.448.996	1.137.807.057
Cộng	5.486.690.588	2.760.516.998	578.470.604	1.038.745.778	8.707.482.760

(*) Công ty đang đối chiếu số liệu thuế phải nộp, đã nộp với cơ quan thuế tại văn phòng Công ty và các chi nhánh, xí nghiệp. Do vậy số thuế chưa nộp không bị tính lãi chậm nộp thuế theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Chi phí dự án, công trình	2.943.420.956	7.963.764.846
Trích trước chi phí lãi vay	111.944.444	223.878.796
Chi phí phải trả khác	105.146.122	185.467.201
Cộng	3.160.511.522	8.373.110.843

5.16. Phải trả khác

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	2.975.040	299.889.681
BHXH, BHYT, BHTN	74.333.530	-
Phải trả về cổ phần hoá	51.520.000	51.520.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.198.575.000	1.198.575.000
Phạm Tùng Việt	2.999.940.169	2.999.940.169
Nguyễn Đình Thắng	1.245.949.520	1.245.949.520
Hoàng Xuân Tú	1.167.223.350	1.167.223.350
Các khoản phải trả khác	8.393.178.586	28.359.489.255
Cộng	15.133.695.195	35.322.586.975
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	545.000.000	642.900.000
Cộng	545.000.000	642.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.17. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2018				Trong kỳ				01/01/2018	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	Giảm khác(*) (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)			
Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	411.738.943	411.738.943	-	-	32.825.843.693	33.237.582.636	33.237.582.636			
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	-	10.974.902.000	10.974.902.000	10.974.902.000			
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	-	21.850.941.693	21.850.941.693	21.850.941.693			
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	411.738.943	411.738.943	-	-	-	411.738.943	411.738.943			
Vay tổ chức, cá nhân khác	32.414.973.896	32.414.973.896	39.135.803.460	12.146.141.371	6.300.073.719	11.725.385.526	11.725.385.526			
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	26.946.234.394	26.946.234.394	38.908.511.148	11.962.276.754	-	-	-			
- Ngõ Thị Cúc (i)	1.030.000.000	1.030.000.000	-	-	-	1.030.000.000	1.030.000.000			
- Hoàng Đình Chiến (i)	620.000.000	620.000.000	-	-	-	620.000.000	620.000.000			
- Vay các cá nhân khác (i)	3.818.739.502	3.818.739.502	227.292.312	183.864.617	6.300.073.719	10.075.385.526	10.075.385.526			
Cộng vay ngắn hạn	32.826.712.839	32.826.712.839	39.135.803.460	12.146.141.371	39.125.917.412	44.962.968.162	44.962.968.162			

(*) Giảm khác là các khoản vay của công ty con đã bán trong kỳ.

(i) Vay cá nhân là các khoản huy động vốn ngắn hạn cán bộ công nhân viên Công ty và các đối tượng khác với lãi suất từ 8% đến 12% để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay từ 01 đến 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mê Trì, phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**b1) Trái phiếu phát hành**

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá trị (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn
Loại phát hành theo mệnh giá	200.000.000.000	(*)	3 năm	200.000.000.000	(*)	3 năm
Cộng	200.000.000.000			200.000.000.000		

b2) Chi tiết các bên nắm giữ trái phiếu

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị (VND)	Số cổ khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số cổ khả năng trả nợ (VND)
Trái phiếu phát hành	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán IB	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	43.000.000.000	43.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần SCI	48.000.000.000	48.000.000.000	-	-
Quý đầu tư khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(399.999.998)	(399.999.998)	(533.333.332)	(533.333.332)
Cộng	199.600.000.002	199.600.000.002	199.466.666.668	199.466.666.668

Giá trị trái phiếu của các trái chủ chủ thay đổi do việc mua bán trái phiếu giữa các đơn vị với nhau, không làm thay đổi giá trị trái phiếu Công ty đã phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

(*) Ngày 28 tháng 12 năm 2016, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 200.000.000.000 đồng (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000.000 đồng). Trái phiếu phải hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 10,5%/năm cho hai kỳ tính lãi đầu tiên (kỳ tính lãi 6 tháng/lần), và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn nhất 12 tháng hoặc kỳ hạn nhất 12 tháng hoặc kỳ hạn 365 ngày (nếu không có kỳ hạn 12 tháng) công bố tại Sở Giao dịch của bốn ngân hàng thương mại gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tiền thu được để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của công ty. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là cổ phiếu lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB bao gồm:

Bên đảm bảo	Tên tổ chức phát hành	Loại cổ phiếu	Niêm yết	Số lượng cổ phiếu
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	7.538.059
Võ Anh Linh (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.350.240
Trần Thị Kim Thoa (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.399.998
Phạm Vĩnh Phú (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	2.272.648

- (i) Các cá nhân trên là chủ sở hữu hợp pháp các cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTC), các chứng khoán này được lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và đã thực hiện phong tỏa các cổ phiếu thuộc sở hữu của các cá nhân trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mê Trì, phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.18. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Số dư tại ngày 01/01/2017	179.999.990.000	35.684.263.731	-	27.646.195.601	(31.372.462.234)	19.176.611.392	231.134.598.490
Vốn góp tăng trong năm	-	-	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	5.008.687.233	(2.450.366.570)	2.558.320.663
Trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	103.003.969	(206.007.938)	(97.535.723)	(200.539.692)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(10.792.686.881)	-	-	-	(10.792.686.881)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(582.919.200)	(582.919.200)
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	12.394.112.906	(3.993.509.279)	8.400.603.627
Tăng khác	-	-	-	-	44.663.419	750.000.000	794.663.419
Số dư tại ngày 01/01/2018	179.999.990.000	35.684.263.731	(10.792.686.881)	27.749.199.570	(14.131.006.614)	15.302.280.620	233.812.040.426
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(7.320.153.066)	(1.069.551.540)	(8.389.704.606)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	(103.003.969)	195.696.519	(9.907.869.101)	(9.815.176.551)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	8.998.921	(8.998.921)	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(45.000.000)	(45.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2018	179.999.990.000	35.684.263.731	(10.792.686.881)	27.646.195.601	(21.246.464.240)	4.270.861.058	215.562.159.269

Bản thuyết minh BCTC hợp nhất giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của BCTC hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

b) Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu phổ thông	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.790.000	1.790.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.790.000	1.790.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.209.999	16.209.999
- Cổ phiếu phổ thông	16.209.999	16.209.999
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 (VND)/ cổ phần		

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.093.005.588	30.862.755.406
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	1.959.381.850	18.739.733.098
- Doanh thu hoạt động xây lắp	10.056.163.978	10.672.747.496
- Doanh thu bán thành phẩm xi măng	-	223.159.087
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.459.760	1.227.115.725
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	63.025.520
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.093.005.588	30.799.729.886

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Giá vốn bán hàng hóa	1.815.943.676	15.283.479.560
Giá vốn hoạt động xây lắp	10.565.129.832	10.241.798.939
Giá vốn thành phẩm xi măng	-	2.149.549.425
Giá vốn cung cấp dịch vụ	61.967.807	1.045.491.875
Cộng	12.443.041.315	28.720.319.799

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mê Trì, phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.300.341.727	2.263.728.225
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	3.538.958.156	19.073.188.645
Lãi đầu tư trái phiếu	-	210.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.850.936.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	398.744
Doanh thu tài chính khác	-	5.069
Cộng	7.839.299.883	28.398.256.683

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí lãi vay	12.273.773.228	17.114.875.071
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	22.785.699
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	142.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	1.125.349.429	3.757.742.190
Chi phí công cụ, dụng cụ	398.516.580	617.902.309
Chi phí nguyên vật liệu	-	122.200.949
Khấu hao tài sản cố định	14.697.235	260.082.870
Thuế, phí, lệ phí	2.000.000	69.729.681
Chi phí dự phòng	524.353.525	15.356.242.262
Dịch vụ mua ngoài	2.825.529.782	2.003.096.936
Chi phí bằng tiền khác	304.073.887	1.378.703.422
Cộng	5.194.520.438	23.565.700.619

6.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	205.454.545	1.641.143.943
Các khoản thu khác	342.464.236	433.513.837
Cộng	547.918.781	2.074.657.780

6.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Các khoản phạt	900.000.000	835.962.041
Các khoản chi khác	1.136.627.331	315.361.826
Cộng	2.036.627.331	1.151.323.867

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	-	-
Công ty CP Xây lắp Bưu điện Miền Trung	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Dự phòng đầu tư vào công ty con	16.497.958.559	-
Khấu hao TSCĐ mua bán nội bộ	(15.416.401)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.296.508.432	-

6.10 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(7.320.153.066)	15.754.947.874
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.320.153.066)	15.754.947.874
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	16.209.999	17.999.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(452)	875
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(452)	875

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.695.000	5.886.968.199
Chi phí nhân công	309.184.215	4.857.004.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	225.851.913	1.408.305.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.425.827.574	9.059.953.643
Chi phí khác bằng tiền	2.683.761.850	2.755.348.675
Cộng	8.702.320.552	23.967.580.950

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Báo cáo bộ phận****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại tầng 3 tháp C, tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Các Công ty con cũng có trụ sở chính tại Hà Nội. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, bộ phận kinh doanh chính của Công ty là xây dựng công trình dân dụng và kinh doanh chứng khoán. Hiện hoạt động xây dựng phát sinh tại Công ty mẹ không đáng kể, hoạt động kinh doanh chứng khoán không được thành lập một bộ phận riêng. Phần lớn doanh thu trong kỳ đều là của các Công ty con đã thoái vốn. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

7.2 Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty liên kết
Các cá nhân có liên quan được trình bày tại Trang 01 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	30/06/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Phải thu khác	447.125.200	447.125.200
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC	447.125.200	447.125.200

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Tiền lương, thưởng	314.016.626	211.553.293
Cộng	314.016.626	211.553.293

7.3 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Đoan Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Len

TỔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Công Khởi